

Bản án số: 26/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 20 - 9 - 2024
V/v tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Anh Đức

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Ngọc Lan và Ông Võ Xuân Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên Tòa: Ông Nguyễn Hoài Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 45/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2024, về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1964; nơi cư trú: thôn X, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Trần Ngọc N, sinh năm 1962; nơi cư trú: thôn X, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Hoàng Thị H trình bày:

Bà và ông Trần Ngọc N kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 20 tháng 11 năm 1984 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q (nay là thị xã B), tỉnh Quảng Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông N không chung thủy, theo người phụ nữ khác, không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên gây gỗ, xúc phạm, nói lời đe dọa và dùng vũ lực với bà. Vì không sống chung được nữa nên vợ chồng

đã ly thân nhau, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, sống ly thân nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Trần Ngọc N.

Về con chung: vợ chồng có 04 con chung là Trần Thanh H1, sinh ngày 02 tháng 01 năm 1987; Trần Thị H2, sinh ngày 10 tháng 12 năm 1989; Trần Thị H3, sinh ngày 22 tháng 12 năm 1992 và Trần Minh H4, sinh ngày 01 tháng 7 năm 1996. Các con chung đã trưởng thành, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai và tại Đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Trần Ngọc N trình bày:

Ông đã nhận được đơn xin ly hôn cùng tài liệu kèm theo của bà Hoàng Thị H. Được biết Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn đang thụ lý giải quyết vụ án ly hôn. Tuy nhiên do điều kiện sức khỏe và công việc không trực tiếp đến Tòa án giải quyết vụ án theo triệu tập, ông đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt theo nội dung sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Hoàng Thị H kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q (N là thị xã B), tỉnh Quảng Bình vào ngày 20/11/1984. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, không hiểu nhau, thường xuyên cãi vã, không ai quan tâm đến ai, hiện sống ly thân. Ông nguyện vọng Tòa án giải quyết cho được ly hôn với bà Hoàng Thị H.

- Về con chung: vợ chồng có 04 con chung là Trần Thanh H1, sinh ngày 02 tháng 01 năm 1987; Trần Thị H2, sinh ngày 10 tháng 12 năm 1989; Trần Thị H3, sinh ngày 22 tháng 12 năm 1992 và Trần Minh H4, sinh ngày 01 tháng 7 năm 1996. Các con chung đã trưởng thành, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn bà Hoàng Thị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn ông Trần Ngọc N vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại các Điều 70 và 71 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn không thực hiện nghĩa vụ của mình quy định tại các Điều 70 và 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Căn cứ vào nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì việc xác định mối quan hệ tranh chấp là đúng quy định của pháp luật và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về sự vắng mặt của đương

sự: bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự để xét xử vắng mặt.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Hoàng Thị H, xử cho bà Hoàng Thị H được ly hôn với ông Trần Ngọc N. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Theo quy định, nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn, tuy nhiên nguyên đơn thuộc đối tượng người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định “Về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án” để miễn án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: bà Hoàng Thị H có đơn yêu cầu xin ly hôn với ông Trần Ngọc N, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Bị đơn ông Trần Ngọc N có đăng ký cư trú tại thị xã B, tỉnh Quảng Bình; căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

- Về sự vắng mặt của đương sự: ông Trần Ngọc N có Đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông N.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: bà H và ông N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Cơ quan có thẩm quyền nên quan hệ hôn nhân của hai người được xác định là hoàn toàn hợp pháp theo quy định tại các Điều 8 và 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, trình bày của đương sự cho thấy quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông N đã xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, sống ly thân nhau. Ông, bà đều xác định tình cảm không còn và mong muốn Tòa án giải quyết cho được ly hôn. Từ đó có căn cứ khẳng định mâu thuẫn giữa bà H và ông N là có thật, làm cho hôn nhân hai bên lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H để xử cho bà H được ly hôn với ông N.

[2.2] Về quan hệ con chung: Ông, bà có 04 con chung là Trần Thanh H1, sinh ngày 02 tháng 01 năm 1987; Trần Thị H2, sinh ngày 10 tháng 12 năm 1989; Trần Thị H3, sinh ngày 22 tháng 12 năm 1992 và Trần Minh H4, sinh ngày 01 tháng 7 năm 1996. Các con chung đã trưởng thành, ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn thuộc đối tượng người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí và tại phiên tòa đề nghị được miễn án phí nên được miễn án phí.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Điều 8; khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về “mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Tuyên xử:

1. Xét xử vắng mặt bị đơn ông Trần Ngọc N.
2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Hoàng Thị H, xử cho bà Hoàng Thị H được ly hôn ông Trần Ngọc N.
3. Án phí sơ thẩm: Bà Hoàng Thị H được miễn án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.
4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (20/9/2024), bị đơn có quyền làm đơn kháng án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án theo quy định.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã Ba Đồn;
- Chi cục THADS thị xã Ba Đồn;
- UBND xã Quảng Thủy, tx Ba Đồn

(Đã ký)

(GCNKH số 02, ngày 20/11/1984);

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phan Anh Đức

H